

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biều.

Các Thẩm phán: Ông Trần Đình Hiền.

Bà Vũ Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Minh Thư - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:
Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2017/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Thị V, Phạm Thị C do có kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 24-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên.

*** Các bị cáo không có kháng cáo:**

1. Phạm Thị V, sinh năm 1945; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên; trình độ văn hoá: 2/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn T (Đã chết) và bà Hoàng Bá H1 (Đã chết); chồng: Ngô Sơn B (Đã chết); có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Chưa có. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt).

2. Phạm Thị C, sinh năm 1956; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên; trình độ văn hoá: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn T (Đã chết) và bà Hoàng Bá H1 (Đã chết); chồng: Trịnh Xuân T1; có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Chưa có. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt).

*** Người bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941. (có mặt).

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

1 - Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1982. (có mặt).

2 - Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1982. (có mặt).

Đều có địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:*

Anh Phạm Văn D, sinh năm 1979, (có mặt).

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Văn T sinh năm 1913 (chết năm 2000), ở thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên có vợ là bà Hoàng Bá H1 sinh năm 1915 (chết năm 2012), bà H1 và ông T sinh được 07 người con gái gồm: Phạm Thị L1 (đã chết); Phạm Thị V, Phạm Thị T2, Phạm Thị C, Phạm Thị L2, Phạm Thị Ch (đã chết) và Phạm Thị M (đã chết). Ông T có quan hệ chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị H sinh năm 1941. Bà H về sinh sống với ông T từ năm 1974, bà H và ông T sinh được 02 người con trai là các anh Phạm Văn D và Phạm Văn Q. Năm 1977, ông T có xây một ngôi nhà cấp 4 năm gian trên mảnh đất có diện tích 148m² tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 ở thôn A, xã Đ, huyện L, *bà H xác định cả bà, bà H1 và ông T đều cùng làm ngôi nhà*. Ông T cùng bà H1, bà H và các con của ông T với hai bà đều sinh sống tại ngôi nhà này. Đến tuổi trưởng thành con gái lớn của bà H1 và ông T đều đi lấy chồng sinh sống ở gia đình nhà chồng, chỉ còn ông T cùng bà H, bà H1 và anh D, anh Q sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 trên. Ông T muốn sang tên mảnh đất trên cho anh D để sau này anh D là con trai lo thờ cúng cho gia đình. Ngày 31/3/1999 anh D làm đơn gửi cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với mảnh đất mà cả gia đình đang sinh sống. Đến tháng 5/1999 cán bộ địa chính đến đo đạc mốc giới và xác định rõ đất không có tranh chấp nên đã làm thủ tục cấp sổ đỏ. Ngày 04/12/2001 anh D đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T986905 mang tên anh D, thời điểm này anh D đã lấy vợ là chị Đặng Thị Đ, hai vợ chồng anh D sinh sống tại ngôi nhà năm gian cùng bà H1, bà H và anh Q. Sau đó vợ chồng anh D, chị Đ xây nhà ở mảnh đất khác chuyển ra ở riêng. Khi anh Q lấy vợ là chị Phạm Thị Th thì vợ chồng anh Q vẫn tiếp tục sinh sống cùng bà H1, bà H tại ngôi nhà cấp 4 của thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 ở thôn A, xã Đ. Để thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhà đất nên ngày 12/5/2012 anh D làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất trên cho anh Q và chị Th. Đến ngày 18/11/2014 anh Q và chị Th được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất trên cùng tài sản gắn liền trên đất mang tên vợ chồng anh Q, chị Th.

Năm 2012 bà H1 chết. Vợ chồng anh Q chuyển ra ở ngôi nhà khác gần đó để tiện công việc nhưng hằng ngày vẫn vào ăn cơm sinh hoạt cùng bà H tại ngôi nhà cấp 4 cũ. Thời điểm này chỉ có một mình bà H sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 cũ. Đến năm 2013, Phạm Thị V và Phạm Thị C là con gái của ông T lấy lý do xây nhà thờ cho bố mẹ đã đến đập phá ngôi nhà cấp 4 là nơi bà H đang sinh sống cố định chỉ còn lại phần móng nhà và một nửa các bức tường (tính từ móng nhà lên) khoảng 1,5m, phần mái nhà bị dỡ bỏ. Sau đó vợ chồng anh Q, chị Th cùng chính quyền địa phương ngăn cản nên V và C không đập phá nữa. Vì nghĩ đều là người

một nhà nên bà H cùng vợ chồng anh Q, chị Th xin tự giải quyết vấn đề tình cảm không đề nghị pháp luật xử lý về hành vi của V và C. Do ngôi nhà đã bị dỡ phần mái, các bức tường đều bị đập dỡ, bà H không có chỗ ở nên anh Q, chị Th đã mua nguyên vật liệu về xây tiếp từ phần các bức tường bị đập dỡ lên đến mái rồi dùng tre, các tấm lợp Ploximăng để lợp lại. Tuy nhiên anh Q và chị Th chỉ xây lên 02 gian nhà từ các bức tường cũ để làm nơi ở cho bà H. Bà H tiếp tục sinh sống ổn định tại hai gian nhà do vợ chồng anh Q xây lại.

Do muốn xây một ngôi nhà thờ để thờ bố mẹ nên ngày 20/9/2015 khi bà H không có mặt ở nhà, bị cáo V và bị cáo C đã đến chuyển toàn bộ đồ đạc sinh hoạt gồm hòm đựng thóc, tủ quần áo, bếp ga, bình ga, giường, tủ thờ... cùng nhiều đồ dùng sinh hoạt cá nhân của bà H ra ngoài đường khi chưa được sự đồng ý của bà H. Khi bà H, anh Q, chị Th về nhà thấy đồ đạc ở ngoài đường có ngăn cản V, C nhưng V và C không dừng lại nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Anh Q chuyển một số đồ còn dùng được như bếp ga, hòm thóc về nhà anh Q cất, còn lại một số đồ dùng cá nhân của bà H thì anh Q không mang về, bà H cũng để nguyên ngoài đường, lâu ngày mưa nắng bị hỏng nên bà H đã bỏ đi. Sau đó V đã thuê ông Nguyễn Văn T3 ở cùng thôn (là người làm thuê) cho máy xúc đến dỡ bỏ toàn bộ ngôi nhà cấp 4 trong đó có hai gian nhà mà bà H đang sinh sống. Ông T3 chỉ là người làm thuê hoàn toàn không biết thửa đất đang có tranh chấp nên đã giao cho anh Đặng Văn T4 và anh Nguyễn Văn H2 là người làm thuê cho ông T3 dùng máy xúc phá bỏ toàn bộ ngôi nhà theo yêu cầu của bị cáo V, C rồi xúc hết phần móng nhà cũ đi. V và C tiếp tục thuê thợ xây đến xây dựng lên một ngôi nhà cấp 4 mới, xây tường bao quanh ngôi nhà trên mảnh đất mà bà H vẫn đang sinh sống rồi dùng khóa khóa cửa ngôi nhà mới lại không cho bà H được vào ngôi nhà mới ở. Kể từ ngày 20/9/2015 bà H không có nơi sinh sống nên đã đến ở nhờ nhà con trai là anh Q, chị Th cho đến nay.

Ngày 20/9/2015, anh Phạm Văn Q đã làm đơn gửi cơ quan điều tra Công an huyện L đề nghị giải quyết. Quá trình xác minh tin do không phân định được tài sản chung (tài sản có trước do ông T để lại) với tài sản riêng của bà H, vợ chồng anh Q (xây mới thêm hai gian nhà) nên không đủ căn cứ xác định hành vi của V, C phạm tội Hủy hoại tài sản. Ngày 09/3/2016 cơ quan điều tra Công an huyện L đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự “Hủy hoại tài sản”.

Ngày 10/5/2016, bà H làm đơn gửi Tòa án nhân dân huyện L đề nghị giải quyết về Xâm phạm chỗ ở của công dân và hủy hoại tài sản. Ngày 16/6/2016 bà H làm đơn rút đơn khởi kiện, cùng ngày Tòa án huyện L đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Ngày 05/02/2017 bà H tiếp tục làm đơn gửi Công an huyện L đề nghị giải quyết hành vi của V và C về tội Xâm phạm chỗ ở của công dân.

Đối với tài sản bị hư hỏng bà H, vợ chồng anh Q, chị Th không yêu cầu bị cáo V và C phải bồi thường. Nay bà H yêu cầu V, C phải trả lại cho bà mảnh đất trên để bà xây nhà làm nơi sinh sống.

Phạm Thị V và Phạm Thị C thừa nhận toàn bộ nhà vi chuyển đồ đạc của bà H ra khỏi nơi ở mà bà H đang sinh sống hợp pháp khi chưa được sự đồng ý của bà H. Thừa nhận hành vi thuê người đập phá toàn bộ ngôi nhà cũ là nơi bà H đang

sinh hoạt hàng ngày và xây một ngôi nhà mới rồi khóa cửa lại không cho bà H vào ngôi nhà mới ở. Tuy nhiên, bị cáo V và C cho rằng việc khởi tố hai bị cáo về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là không đúng vì cho rằng nguồn gốc ngôi nhà cũ là do bố mẹ hai bị cáo để lại, bà H chỉ là người đến ở nhờ nên hai bị cáo đập nhà cũ đi mục đích để xây dựng nhà thờ và không cho bà H vào sinh sống trong ngôi nhà mới.

Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 24-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị V và Phạm Thị C đều phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân.

Áp dụng: khoản 1 Điều 124; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo. Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V. khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự đối với bị cáo C. Đối với bị cáo V áp dụng thêm điểm m khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị V 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị C 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Thị V, Phạm Thị C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/11/2017, người bị hại bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tạm giao cho bà diện tích nhà mà hai bị cáo Phạm Thị V và Phạm Thị C đã xây dựng trái phép trên diện tích đất mang tên vợ chồng con trai bà là Phạm Văn Q và Phạm Thị Th, để bà có nơi ở ổn định, thờ cúng tổ tiên; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi phá dỡ các tài sản của anh chị trên đất và xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo V, bị cáo C.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người bị hại bà Nguyễn Thị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích, đánh giá hành vi của các bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phần tội danh không xem xét do không có kháng cáo, kháng nghị.

Đối với quyền sử dụng đất và phần tài sản trên đất là tài sản chung của bà H với các con và của ông T và bà H1, nay ông T và bà H1 đã mất, đến nay Phần tài sản là nhà đã bị phá dỡ toàn bộ và đã xây ngôi nhà mới, đối với đất thì đất đã được cấp Giấy chứng nhận cho anh Q, chị Th. Đề giải quyết xem tài sản đó là tài sản chung của ai cho triệt để, cũng như ngôi nhà cũ của bà H bị phá dỡ không còn. Sau khi ngôi nhà cũ của bà H bị phá dỡ bà H xác định vẫn ở cùng con trai, bà yêu cầu thờ cúng thì bà là con dâu và con trai bà vẫn được thờ cúng tổ tiên đất đó được xây để

thờ cúng tổ tiên, bà H thực tế ở với con trai là anh Q và con dâu chị Th thì con trai, con dâu phải có nghĩa vụ chăm sóc mẹ, nhu cầu chỗ ở của bà H cũng không bức thiết vì hiện đang ở cùng con trai. Cấp sơ thẩm đã tách là có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo của bà H. Yêu cầu kháng cáo của anh Q, chị Th xem xét hành vi phá dỡ các tài sản của anh chị trên đất và xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo V, bị cáo C, hành vi của các bị cáo đã được công an huyện L xem xét và không khởi tố. Về trách nhiệm dân sự anh Q, chị Th không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu của mình, Toà án cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự không giải quyết trong vụ án, sau này đương sự có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Nên cấp phúc thẩm không có căn cứ giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo, của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Do không muốn cho bà Nguyễn Thị H ở trên nhà đất do bố mẹ để lại nên khoảng 9 giờ ngày 20/9/2015 tại nơi ở của bà Nguyễn Thị H sinh năm 1941 ở thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo Phạm Thị V và Phạm Thị C đã có hành vi chuyển toàn bộ đồ đạc sinh hoạt của bà H ra khỏi nơi bà Nguyễn Thị H đang sinh sống và đập phá toàn bộ hai gian nhà cũ là nơi ăn chốn ở thường xuyên của bà Nguyễn Thị H khi chưa được sự đồng ý của bà để xây lên một ngôi nhà mới. Kể từ khi bị cáo V, bị cáo C đuổi khỏi nơi ở hợp pháp, bà Nguyễn Thị H không có nơi sinh sống phải đi ở nhờ làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của bà H. Hành vi nêu trên của Phạm Thị V và Phạm Thị C bị Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên xét xử về tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân” theo khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm xác định vấn đề dân sự trong vụ án phải được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu thì mới đảm bảo giải quyết triệt để các vấn đề có liên quan. Anh Q chị Th không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu của mình. Toà án cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự, sau này đương sự có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết sau, là có cơ sở.

[2] Xét kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị H: Hội đồng xét xử, xét thấy: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất trong đó có diện tích nhà do hai bị cáo Phạm Thị V và Phạm Thị C đã xây dựng trái phép trên diện tích đất mang tên vợ chồng con trai bà Nguyễn Thị H là anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th có căn cứ là tài sản chung của các đương sự. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy vấn đề dân sự trong vụ án phải được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu thì mới đảm bảo giải quyết triệt để các vấn đề có liên quan, mặt khác hiện bà Nguyễn Thị H đang sống cùng con trai bà là anh

Phạm Văn Q được hơn hai năm. Do vậy kháng cáo của người bị hại không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th: Hội đồng xét xử, xét thấy: Cơ quan điều tra Công an huyện L đã tiến hành xác minh tin giải quyết đơn của anh Phạm Văn Q, nhưng do không phân định được tài sản chung (tài sản có trước do ông T để lại) với tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H và vợ chồng anh Q (xây mới thêm hai gian nhà) nên không đủ căn cứ xác định hành vi của Phạm Thị V và Phạm Thị C phạm tội Hủy hoại tài sản. Ngày 09/3/2016 cơ quan điều tra Công an huyện L đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự “Hủy hoại tài sản”; phân trách nhiệm dân sự anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu của mình nên Toà án cấp sơ thẩm tách phân trách nhiệm dân sự không giải quyết trong vụ án, sau này đương sự có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho người bị hại bà Nguyễn Thị H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Q và Phạm Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 24/10/2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hưng Yên, như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị V và Phạm Thị C đều phạm tội Xâm phạm chỗ ở của công dân.

Áp dụng: khoản 1 Điều 124; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị V và Phạm Thị C; áp dụng thêm điểm m khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị V; áp dụng thêm khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự đối với bị cáo Phạm Thị C.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị V 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị C 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Thị V, Phạm Thị C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Th mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, VKS, CA huyện L;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HSA, THC, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Biểu